TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số:1555/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25-4-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Minh Tú

Các hội thẩm nhân dân:

1. bà Nguyễn Thị Hương

2. Bà Bùi Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Quân- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh P - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 2181/2023/HNST ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 646/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22/02/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1735/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28/3/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc Phương L, sinh năm 1978.
Địa chỉ: 3 đường D, tổ A, khu phố B, phường H, TP ., TP ..

Bị đơn: Ông Võ Minh T, sinh năm 1968.
Địa chỉ: 3 đường D, tổ A, khu phố B, phường H, TP ., TP ..
(Bà Nguyễn Ngọc P1 Liên có mặt, ông Võ Minh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện,trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Phương L trình bày*:*

Vợ chồng tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà L được ly hôn với ông Võ Minh T.

Về con chung: có 01 con chung tên Võ Ngoc Minh T1, sinh ngày 08/01/2007; bà L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, bà L không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn ông Võ Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thủ tục cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát cùng cấp nghiên cứu, thời gian mở phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử và nguyên tắc xét xử. Về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay; bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Phương L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ kết quả xác minh của Công an phường H, thành phố T thì bị đơn ông Võ Minh T cư trú tại địa chỉ số C đường D, tổ A, khu phố B, phường H, TP ., TP ., nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Bị đơn ông Võ Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Ngọc Phương L và ông Võ Minh T tự nguyện tìm hiểu, tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận B, thành

phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 156, quyển số 1, ngày 29/7/2004 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Đối với yêu cầu của bà L về việc ly hôn với ông T:

Xét thấy, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện, hai vợ chồng cần có sự yêu thương, quan tâm, cùng nhau chia sẻ, vun đắp gia đình. Tuy nhiên, theo bà L trình bày: Trong quá trình chung sống thời gian đầu chung sống bình thường và hạnh phúc. Tuy nhiên, sau đó quá trình chung sống không còn hòa thuận, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã. Hai bên đã nhiều lần hàn gắn, đoàn tụ nhưng không có kết quả. Bà L xác nhận không còn tình cảm với ông T, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T đến Tòa để giải quyết vụ án, nhưng ông T vẫn vắng mặt không rõ lý do, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T. Điều đó chứng tỏ ông T không có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ gia đình.

Qua đơn khởi kiện, bản tự khai của bà L, sự vắng mặt của ông T, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, bà L yêu cầu ly hôn ông T là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: có 01 con chung tên Võ Ngoc Minh T1, sinh ngày 08/01/2007. Bà L yêu cầu trực tiếp nuôi trẻ Thư, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Xét, nguyện vọng mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng con của bà L xuất phát từ tình thương và trách nhiệm đối với con. Việc giao con cho ai nuôi là nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của trẻ nên cần xét đến hoàn cảnh thực tế của mỗi bên sau khi ly hôn để quyết định giao con.

Qúa trình giải quyết vụ án, bà L vẫn đang chăm sóc trẻ Võ Ngoc Minh T1, sinh ngày 08/01/2007. Do đó, để ổn định việc học tập và đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho người con được phát triển toàn diện cả về thể chất lẫn tinh thần của trẻ, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận giao trẻ T1 cho bà L được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con do bà L có khả năng kinh tế và đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi con. Xét, sự tự định đoạt của đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản chung: bà L không yêu cầu tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu có tài sản chung giành quyền khởi kiện cho ông T bằng vụ án dân sự khác.

[2.4]. Về nợ chung: Bà Nguyễn Ngọc Phương L xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp.

[2.5]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc Phương L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 186; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55; 57; 58; 81; 82; 83; 84; 107; 110; 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014);

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Phương L:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Ngọc Phương L được ly hôn với ông Võ Minh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 151 ngày 29/7/2004 của Ủy ban nhân dân phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Ngọc P1 L và ông Võ Minh T không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao trẻ Võ Ngoc Minh T1, sinh ngày 08/01/2007 cho bà Nguyễn Ngọc Phương L được cho trực tiếp nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Ngọc Phương L không yêu cầu ông Võ Minh T cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu lợi dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục. Vì quyền lợi mọi mặt của người con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Bà Nguyễn Ngọc Phương L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm; nhưng được cấn trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004806 ngày 20/9/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời 30 ngày, kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

***Nơi nhận*:**
- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- CC Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- UBND phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Minh Tú